TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Thành;

Bà Trần Thị Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1998; căn cước công dân số: 084198001756 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/9/2022; địa chỉ thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh H; địa chỉ tạm trú: nhà trọ Ngô Thị Diễm T, tổ E, khu phố A, phường C, thành phố B, tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông L, G, sinh năm 1970; quốc tịch: Trung Quốc; địa chỉ: trại Tử Xã, thôn Trại Tử, xã Lạc An Tự, huyện Thanh Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc; địa chỉ hiện nay: đường Bạch Mã, thị trấn Lạc An, huyện Thanh Xuyên, thành phố Quang Nguyên, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc; hộ chiếu số: EG9112103 do Trung Quốc cấp ngày 21/10/2019, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà H và ông L, G tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2023 ngày 28/6/2023. Từ khi kết hôn đến nay, bà H và ông L, G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về văn

hóa, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau vì khoảng cách địa lý, bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc. Bà H và ông L, G đã cố gắng cải thiện nhưng không đi đến kết quả. Hiện tại bà H vẫn đang cư trú và làm việc tại Việt Nam, ông L, G cư trú và làm việc tại Trung Quốc. Do vậy, tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt, không còn yêu thương nhau. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà H có đơn khởi kiện ly hôn ông L, G.

Về con chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tống đạt cho ông L, G các văn bản như*: Đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 21/10/2024 của bà Trần Thị Thúy H; Thông báo thụ lý vụ án số 48/TB-TLVA, ngày 05/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Trích lục kết hôn số 31/TLKH-BS ngày 28/6/2023 của Ủy ban nhân nhân thị xã (nay là thành phố) B, Việt Nam và Công văn số: 82/TA-HNGĐ, ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.* Ông L, G đã nhận được các văn bản của Tòa án, tuy nhiên, ông L, G vẫn không có ý kiến gửi Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà H và ông L, G là hợp pháp. Từ khi kết hôn bà H và ông L, G phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, dù đã tìm mọi biện pháp hàn gắn nhưng vẫn không được, tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt, không còn yêu thương nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thúy H và ông L, Gang đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2023 ngày 28/6/2023. Bà H đang cư trú tại nhà trọ Ngô Thị Diễm T, tổ E, khu phố A, phường C, thành phố B, tỉnh B. Ông L, G đang sống và làm việc tại đường Bạch Mã, thị trấn Lạc An, huyện Thanh Xuyên, thành phố Quang Nguyên, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. Do đó, theo quy định tại các Điều: 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình và các Điều: 28, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thực hiện thủ tục Ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tống đạt cho ông L, G các văn bản như: *Đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 21/10/2024 của bà Trần Thị Thúy H; Thông báo thụ lý vụ án số 48/TB-TLVA, ngày 05/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Trích lục kết hôn số 31/TLKH-BS ngày 28/6/2023 của Ủy ban nhân nhân thị xã (nay là thành phố) B, Việt Nam và Công văn số: 82/TA-HNGĐ, ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,* ông L, G đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng ông L, G vẫn vắng mặt và không có ý kiến gửi Tòa án. Bà Trần Thị Thúy H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều: 227, 228, 238, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà H và ông L, G tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2023 ngày 28/6/2023. Từ khi kết hôn đến nay, bà H và ông L, G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về văn hóa, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau vì khoảng cách địa lý, bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc. Bà H và ông L, G đã cố gắng cải thiện nhưng không đi đến kết quả. Hiện tại bà H vẫn đang cư trú và làm việc tại Việt Nam, ông L, G cư trú và làm việc tại Trung Quốc. Do vậy, tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt, không còn yêu thương nhau. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà H xác định không còn tình cảm với ông L, G và có đơn khởi kiện ly hôn ông L, G.

Về phía ông L, G, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tống đạt cho ông L, G các văn bản như: *Đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 21/10/2024 của bà Trần Thị Thúy H; Thông báo thụ lý vụ án số 48/TB-TLVA, ngày 05/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Trích lục kết hôn số 31/TLKH-BS ngày 28/6/2023 của Ủy ban nhân nhân thị xã (nay là thành phố) B, Việt Nam và Công văn số: 82/TA-HNGĐ, ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*. Đồng thời Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã gửi các văn bản nêu trên qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế cho ông L, G và ông L, G đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông L, G vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H thấy rằng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…"* mục đích hôn nhân giữa bà H và ông L, G không đạt được, vì quyền lợi chung của hai bên nên cần phải chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L, G, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Thúy H xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật: Bà Trần Thị Thúy H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 40, 147, 153, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy H đối với ông L, G về việc "Tranh chấp ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy H ly hôn với ông L, G.

- Về con chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003539, ngày 31/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí dịch thuật và ủy thác tư pháp: Bà Trần Thị Thúy H tự nguyện nộp và đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thúy H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông L, G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đức Thành **Trần Thị Đẹp** **Lưu Thị Mỹ Hương**